

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1.1 Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

1. Tên dự án: Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ.

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 03 Tư vấn khảo sát địa chất; địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục: Đường giao thông + thoát nước + cầu; Lập mô hình BIM.

(Lưu ý: Thuế giá trị gia tăng (VAT) được xác định tại thời xác định giá gói thầu là 08%)

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án khu vực 08.

4. Địa điểm: Xã Xuân Đường, tỉnh Đồng Nai.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức tuyển chọn: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

6. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

7. Loại công trình: Công trình giao thông cấp II; nhóm dự án nhóm B; Niên hạn sử dụng công trình theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 120 ngày.

9. Mục tiêu, quy mô đầu tư:

a) Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp toàn bộ tuyến đường, tránh xuống cấp thêm với tổng chiều dài khoảng 11,7km (điểm đầu giao với đường Hương lộ 10, điểm cuối tuyến tại Trường Tiểu học Thừa Đức) nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, học tập và vận chuyển hàng hóa của nhân dân các xã Xuân Đường, Thừa Đức đi Trung tâm hành chính huyện Cẩm Mỹ. Tăng khả năng kết nối giao thông theo quy hoạch, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo định hướng phát triển chung của huyện Cẩm Mỹ.

b) Quy mô đầu tư: Dự án nhóm B, công trình giao thông, cấp II. Vận tốc thiết kế 80km/h.

- Xây dựng tuyến đường Xuân Đường – Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ với chiều dài tuyến khoảng 11,7km. Điểm đầu tuyến giao với đường Hương lộ 10; điểm cuối tuyến tại trường Tiểu học Thừa Đức. Chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1 (từ Km0+000 đến Km2+300): mặt đường 6 làn xe rộng 21m, lề gá cố (làn xe thô sơ) rộng $2 \times 3\text{m} = 6\text{m}$, lề đường rộng $2 \times (2,25+2,5)\text{m} = 9,5\text{m}$, dải đất dự trữ rộng 11,5m, nền đường rộng 48m. Bồi thường giải phóng mặt bằng theo lộ giới quy hoạch 60m.

+ Đoạn 2 (từ Km2+300 đến cuối dự án): Mặt đường $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, dải phân cách giữa 1,5m, lề đường $2 \times 3\text{m} = 6\text{m}$, nền đường rộng 22,5m. Bồi thường giải phóng mặt bằng theo lộ giới quy hoạch 45m.

- Xây dựng cầu, nút giao, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và an toàn giao thông trên tuyến.

10. Giải pháp thiết kế cơ sở:

10.1. Hướng tuyến, bình đồ: Điểm đầu giao với đường Hương lộ 10; điểm cuối tại Trường Tiểu học Thừa Đức; tổng chiều dài tuyến thiết kế khoảng 11,7km. Hướng tuyến được xác định đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024. Các yếu tố kỹ thuật của bình đồ tuyến được thiết kế với tốc độ $V=80\text{km/h}$. Tuy nhiên, để phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại một số vị trí khó khăn (thụ ôc đoạn lý trình từ Km2+300 đến cuối dự án) thiết kế với tốc độ 60km/h.

10.2. Trắc dọc tuyến: đảm bảo tần suất thiết kế theo tiêu chuẩn của cấp đường, công trình, phù hợp với cao độ khống chế tại các vị trí giao cắt, đảm bảo kết nối thuận giao thông và dân sinh hai bên tuyến.

10.3. Mặt cắt ngang tuyến:

- Mặt cắt ngang đoạn 1 (từ Km0+000 đến Km2+300): Mặt đường rộng 21m, lề gia cố (làn xe thô sơ) rộng $2 \times 3\text{m} = 6\text{m}$, lề đường rộng $2 \times (2,25+2,5)\text{m} = 9,5\text{m}$, dải đất dự trữ rộng 11,5m, nền đường rộng 48m.

- Mặt cắt ngang đoạn 2 (từ Km2+300 đến cuối tuyến): Mặt đường $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, dải phân cách giữa 1,5m, lề đường $2 \times 3\text{m} = 6\text{m}$, nền đường rộng 22,5m.

- Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố 2%; Độ dốc ngang lề đất 4%.

10.4. Nền đường:

- Nền đường đắp: đắp bằng đất đảm bảo độ chặt $K > 0,95$; riêng 20cm sát lớp đáy móng nền đường được đầm chặt $K > 0,98$. Độ dốc mái ta luy nền đắp là 1/1,5.

- Nền đường đào: Nền đường lu lèn đạt độ chặt $K > 0,95$. Mái taluy nền đường đào là 1/1.

- Gia cố mái taluy nền đường.

10.5. Kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường đoạn 1 (từ Km0+000 đến Km2+300): Lớp bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²; Lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm; Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²; Hỗn hợp nhựa bán rỗng 25 nhựa dày 10cm; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; Lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 50cm. Lớp đáy móng bằng đá mi bụi dày 30cm.

- Kết cấu áo đường đoạn 2 (Km2+300 – cuối tuyến): Lớp bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm; Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²; Lớp bê tông nhựa chặt 19 dày 7cm; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; Lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 45cm. Lớp đáy móng bằng đá mi bụi dày 30cm.

10.6. Nút giao trên tuyến:

- Nút giao với đường ĐT.773 (đoạn Hương lộ 10 hiện hữu): Nút giao thuộc dự án đường ĐT.773. Nút giao cùng mức, mở rộng bán kính vuốt nối nút giao, mở làn xe rẽ phải, làn nhập và tách.

- Nút giao với đường ĐT.770B (tại Km2+300 và Km8+540 thuộc dự án đường Xuân Đường – Thừa Đức).

+ Nút giao tại Km2+300: giao đồng mức ngã 3, kiểu nút giao vòng xuyên kết hợp đảo giao thông.

+ Nút giao tại Km8+540: giao cùng mức, mở rộng bán kính vuốt nối nút giao trong phạm vi quy hoạch sử dụng đất, mở làn xe rẽ phải, làn nhập và tách.

- Nút giao với các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch (Vành đai 4, đường ĐT.773B, đường áp 8 Thừa Đức đi Bà Rịa – Vũng Tàu, đường Quốc lộ 56 – Cẩm Đường, đường Cẩm Đường – Bàu Cạn): xây dựng vuốt nối với các đường hiện hữu, và nghiên cứu giải pháp đấu nối khi triển khai các tuyến đường theo quy hoạch.

10.7. Phần thoát nước

a) Thoát nước dọc: Thoát nước tự nhiên kết hợp ranh đất hình thang, bố trí ranh gia cố tấm bê tông xi măng lắp ghép. Các đoạn qua đường ngang còn lại được xây dựng ranh bằng bê tông cốt thép, có nắp đan chịu lực.

b) Thoát nước ngang: bố trí công tròn có đường kính từ D1000mm đến D1200mm và công hộp kích thước 2x(1,2x1,2)m; 2x(1,6x1,6)m, bằng bê tông cốt thép.

10.8. Thiết kế cầu: Thiết kế mới 02 cầu, tại lý trình Km1+287 và Km2+450.

a) Cầu số 1 (tại lý trình Km1+287), gồm 02 đơn nguyên:

- Mặt cắt ngang cầu: Phần mặt cầu rộng $17,75\text{m} \times 2 = 35,5\text{m}$; Phần lan can và lề bộ hành rộng $(0,5+1,5) \times 2 = 4,00\text{m}$; Khoảng cách giữa 2 nguyên đơn 7,50m. Tổng cộng 47m.

- Kết cấu nhịp:

+ Sơ đồ nhịp: Cầu gồm 02 đơn nguyên đặt cách nhau 7,50m; 01 nhịp giản đơn; mỗi đơn nguyên gồm 12 dầm I24,54m bằng bê tông cốt thép dự ứng lực.

+ Dầm ngang: Liên kết giữa các dầm chủ bằng các dầm ngang bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

+ Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ dày 18cm; Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa.

+ Lan can bằng thép mạ kẽm, gờ lan can bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

+ Bố trí đầy đủ hệ thống thoát nước mặt cầu, gờ cầu và khe co giãn.

- Kết cấu móng: Dạng móng chữ U bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Móng móng là móng nông đặt trên nền đá bazan nứt nẻ cứng chắc.

b) Cầu số 2 (tại lý trình Km2+450):

- Mặt cắt ngang cầu: Phần mặt cầu rộng $8,25\text{m} \times 2 = 16,5\text{m}$; Phần lan can và lề bộ hành rộng $1,5 \times 2 = 3,00\text{m}$; Tổng cộng 19,50m.

- Kết cấu nhịp:
 - + Sơ đồ nhịp: Cầu 01 nhịp dầm I giản đơn, gồm 12 dầm I 18,6m bằng bê tông cốt thép dự ứng lực.
 - + Dầm ngang: Liên kết giữa các dầm chủ bằng các dầm ngang bê tông cốt thép đổ tại chỗ.
 - + Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ dày 18cm; Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa.
 - + Lan can bằng thép mạ kẽm, gờ lan can bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.
 - + Bố trí đầy đủ hệ thống thoát nước mặt cầu, gờ cầu và khe co giãn.
- Kết cấu móng: Dạng móng chữ U bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ. Móng móng là móng nông đặt trên nền đá bazan nứt nẻ cứng chắc.

10.9. Hệ thống an toàn giao thông:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.
- Giá long môn: bố trí giá long môn tại các vị trí mở dải phân cách để treo hệ thống báo hiệu.

10.10. Hệ thống chiếu sáng và di dời điện:

- a) Phần di dời đường dây trung hạ thế và trạm biến áp:
 - Di dời 6.019,2 mét đường dây trung thế 3 pha nhánh áp 3 Thừa Đức, nhánh áp 6 Thừa Đức và nhánh áp 8 Thừa Đức.
 - Di dời trạm biến áp Thừa Đức 6, Thừa Đức 8, Thừa Đức 10A, Thừa Đức 10, Thanh Nga.
 - Di dời 2.435,8 mét đường dây hạ thế sau các trạm biến áp Thừa Đức 6, Thừa Đức 8, Thừa Đức 10A, Thừa Đức 10, Thừa Đức 9A.
- b) Hệ thống chiếu sáng:
 - Thu hồi 1.200 mét đường dây hạ thế chiếu sáng hiện hữu.
 - Xây dựng mới 13.966 mét đường dây hạ thế chiếu sáng ngầm CXV/DSTA 3x16mm².
 - Lắp mới 579 bộ đèn Led 150W và 144 bộ đèn Led 250W tiết kiệm điện.
 - Lắp mới 282 trụ đèn STK tròn cột cao loại 9m và 144 trụ đèn STK tròn cột cao loại 13m.
 - Lắp mới 19 tủ điện chiếu sáng điều khiển tự động bằng logo 230RC. Tủ điện có kích thước 400x600x250 sơn tĩnh điện. Đóng cắt bằng 02 contactor 40A có thể cài đặt đóng ngắt theo thời gian.
 - Tận dụng lại 01 trạm biến áp hiện hữu 15kVA và xây dựng mới 18 TBA 15kVA.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng-người cần thiết.

1.1 Phạm vi công việc đối với nhà thầu là thực hiện Gói thầu số 03 Tư vấn khảo sát địa chất; địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán hạng mục: Đường giao thông + thoát nước + cầu; Lập mô hình BIM.

Phạm vi dự án như sau: theo quy mô công trình nêu trên.

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.
- Cơ quan thực hiện dự án: Chủ đầu tư dự án là Ban quản lý dự án khu vực 08.

- Thời gian thực hiện gói thầu: tối đa 120 ngày.

- Số người cần thiết để nhà thầu tư vấn Khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập mô hình thông tin công trình BIM thực hiện: Nhân sự chủ chốt theo yêu cầu của E-HSMT. Trong quá trình thực hiện để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình nhà thầu đề xuất bổ sung nhân sự ngoài nhân sự chủ chốt được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn; Trong đó phải nêu rõ loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, loại công việc tính theo lương chuyên gia.

2.1. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể:

Tuân thủ theo Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng và Nghị định số 175/2024/NĐ- CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Nhà thầu phải thực hiện toàn bộ các nội dung công việc theo nhiệm vụ khảo sát, thiết kế đính kèm và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan.

2.2. Nội dung công việc dựa trên đơn giá và khối lượng:

Tiến hành công việc khảo sát địa hình, địa chất theo quy định hiện hành, khối lượng khảo sát dự kiến như sau:

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
I	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH			
a	Phần đường			
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, Bản đồ tỷ lệ 1/1.000, Đường đồng mức 1m, Cấp địa hình III	100ha	0,702	Đo rộng mỗi bên 30m
2	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn, Cấp địa hình III	100m	142,50	Đo hết chiều dài tuyến.
3	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn, Cấp địa hình III	100m	492,30	Trung bình 20m đo 1 mặt cắt, đo sang

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
				mỗi bên 30m Tuyến nhánh đo sang mỗi bên 15m
b	Phản cầu			
4	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, Bản đồ tỷ lệ 1/500, Đường đồng mức 1m, Cấp địa hình III	100ha	0,600	Đo rộng mỗi bên 30m
5	Đo vẽ mặt cắt dọc ở dưới nước, Cấp địa hình III	100m	2,000	Đo sang mỗi bên 50m
c	Điều tra thu thập số liệu			
6	Thu thập tài liệu lập dự toán	công	20,000	
7	Mua số liệu lượng mưa	trạm	1,000	
d	Làm việc với các cơ quan			
8	Thỏa thuận phương án thiết kế và đấu nối điện với cơ quan chuyên ngành	công	20,000	
II	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT			
a	Tuyến đường thông thường	lỗ khoan	10,00	Khoan thăm dò 10 lỗ xen kẽ vào các hố khoan bước TKCS với chiều sâu 7m để thăm dò địa tầng trên tuyến
1	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I - III	m	70,00	
2	Bơm tiếp nước lỗ khoan trên cạn, độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, cấp đất đá I-III	m	70,00	
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất đá trong phòng thí nghiệm:	mẫu	30,00	Cứ 2m lấy 1 mẫu.
	<i>Thành phần hạt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	
	<i>Khối lượng thể tích (dung trọng)</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	
	<i>Khối lượng riêng</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	<i>Độ ẩm, độ hút ẩm</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	
	<i>Giới hạn dẻo, giới hạn chảy</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	
	<i>Tính nén lún trong điều kiện không nở hông</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	
	<i>Sức chống cắt trên máy cắt phẳng</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>30,00</i>	
4	Đào đất bằng thủ công ở địa hình hố rãnh đào khô ráo, Đào không chống, độ sâu từ 0m - 2m, Cấp đất đá I-III	m ³	3,92	
5	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm (California Bearing Ratio)	Chỉ tiêu	10,00	
b	Phần cầu		4,00	Bổ trí bổ sung thêm 4 hố
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn, Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, Cấp đất đá I-III	m	28,00	Chiều sâu dự kiến 7m
2	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn, Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, Cấp đất đá IV-VI	m	12,00	Chiều sâu dự kiến 3m
3	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn, Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m, Cấp đất đá VII-VIII	m	12,00	Chiều sâu dự kiến 3m
4	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, Cấp đất đá cấp I-III	Lần TN	14,00	2m đóng 1 lần
5	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT, Cấp đất đá cấp IV-VI	Lần TN	6,00	2m đóng 1 lần
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất đá trong phòng thí nghiệm:	mẫu	14,00	Cứ 2m lấy 1 mẫu.
	<i>Thành phần hạt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Khối lượng thể tích (dung trọng)</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Khối lượng riêng</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Độ ẩm, độ hút ẩm</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Giới hạn dẻo, giới hạn chảy</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Tính nén lún trong điều kiện không nở hông</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Sức chống cắt trên máy cắt phẳng</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	
	<i>Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt</i>	<i>chỉ tiêu</i>	<i>14,00</i>	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	<i>tiêu chuẩn</i>			
	Chỉ tiêu thí nghiệm đặc biệt :			
	<i>Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông (nén cố kết)</i>	<i>chỉ tiêu</i>	4,000	
	<i>Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thí nghiệm nén 1 trục trong điều kiện có nở hông</i>	<i>chỉ tiêu</i>	4,000	
7	Thí nghiệm mẫu nước	mẫu	4,00	Đánh giá khả năng xâm thực đối với bê tông, bê tông cốt thép (Mỗi cầu 1 mẫu nước mặt và 1 mẫu nước trong lỗ khoan)
	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu độ pH	chỉ tiêu	4,00	
	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng SO4-2	chỉ tiêu	4,00	
	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng ion Cl-	chỉ tiêu	4,00	
	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng Amôniac	chỉ tiêu	4,00	
	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng ion Cl-	chỉ tiêu	4,00	
8	Mẫu đá			Mỗi hố khoan lấy 2 mẫu
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	chỉ tiêu	8,00	
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	chỉ tiêu	8,00	
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	chỉ tiêu	8,00	
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), hệ số hóa mềm của đá nguyên khai (cho 1 lần khô hoặc ướt)	chỉ tiêu	8,00	
9	Điều tra mỏ vật liệu			
	Rà soát, khảo sát, thỏa thuận bãi đổ thải	công	10,00	

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
	Điều tra trạm trộn BTN và BTXM	công	10,00	

(Nhà thầu có bảng chi tiết đơn giá chi tiết kèm theo E-HSDXTC)

2.3 Nội dung công việc tính theo lương chuyên gia:

- Lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, lập mô hình thông tin công trình BIM theo đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt.

(Chi tiết theo nhiệm vụ thiết kế xây dựng bước lập thiết kế bản vẽ thi công – dự toán đính kèm).

- Nội dung hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán: phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành, tuân thủ đúng Quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực thi hành.

Số lượng account (user) người dùng môi trường dữ liệu chung cần cung cấp tối thiểu là 20.

Tổ chức thực hiện tư vấn phải có đề xuất cụ thể hệ thống quản lý chất lượng nội bộ để thực hiện công việc tư vấn đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả và đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

3. Hệ thống quy trình, tiêu chuẩn áp dụng:

Áp dụng các quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực thi hành

4. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi ký hợp đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Tiến độ thực hiện: Thực hiện hoàn thành dịch vụ tư vấn này tối đa trong vòng 120 ngày.

Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết (bao gồm cả bố trí nhân lực, thiết bị) để thực hiện từng hạng mục công việc, kể cả thời gian hội thảo, xin ý kiến.... đảm bảo tổng thời gian thực hiện tối đa là 120 ngày.

2. Sản phẩm giao nộp

- Hàng tuần vào ngày thứ sáu và hàng tháng vào ngày 25, Tư vấn phải báo cáo về khối lượng, chất lượng, tiến độ, đánh giá tình hình triển khai thực tế cho Chủ đầu tư bằng văn bản. Thời gian báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của chủ đầu tư nhà thầu phải thực hiện ngay theo đúng thời gian yêu cầu.

- Báo cáo định kỳ nhà thầu phải xây dựng cụ thể, tuân thủ các quy định hiện hành và đảm bảo mọi công việc thực hiện phải được tư vấn báo cáo chủ đầu tư.

- Toàn bộ hồ sơ, báo cáo phải nộp theo đề cương nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Hồ sơ phải gồm bản cứng (bản giấy) và bản mềm (file mềm đầy đủ tất cả các nội dung).

- Sau khi có kết quả thẩm định, nhà thầu phải giao nộp cho chủ đầu tư File mềm Hồ sơ scan bản gốc có đóng dấu thẩm định.

- Số lượng giao nộp theo yêu cầu tại đề cương nhiệm vụ nhưng tối thiểu là 10 bộ gốc và nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung nếu trong quá trình thực hiện do có yêu cầu phải bổ sung số lượng hồ sơ để phục vụ các công việc cần thiết.

Trong mọi trường hợp, quyền sở hữu các sản phẩm dịch vụ tư vấn cho dù là nhà tư vấn đã hoàn thành toàn bộ hoặc một phần trong phạm vi các dịch vụ tư vấn như mô tả trong bảng điều khoản tham chiếu sẽ hoàn toàn thuộc về Chủ đầu tư.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu tại chương III của E-HSMT.

- Nhân sự nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu tại mục nhân sự của Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- Nhà thầu không được đề xuất nhân sự để thực hiện gói thầu này trùng với nhân sự đang thực hiện cho gói thầu khác trong cùng một thời gian ở các dự án khác nhau.

Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhân sự của nhà thầu đang tham gia gói thầu khác trong cùng một thời gian thì nhân sự đó được đánh giá là 0 điểm.

- Trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu nộp tài liệu làm rõ, chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt của mình (nhà thầu phải chuẩn bị sẵn bản gốc bằng cấp, tài liệu liên quan để đối chiếu khi Chủ đầu tư yêu cầu đối chiếu xác thực).

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- *Phối hợp chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.*

- *Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, số liệu và các văn bản liên quan cho nhà thầu tư vấn trong quá trình thực hiện hợp đồng.*

- *Theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nhà thầu tư vấn trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ cũng như xử lý các vi phạm hợp đồng có liên quan.*

- *Tổ chức nghiệm thu sản phẩm hợp đồng, thanh toán, quyết toán hợp đồng đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

- *Thực hiện theo các điều khoản hợp đồng được ký kết.*